

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH AN ĐẮK NÔNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA CƠ SỞ KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN TẠI MỎ ĐÁ BAZAN
ĐẮK ADIOR, XÃ NÂM N'JANG, HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Đắk Nông, Tháng 07 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH AN ĐẮK NÔNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN TẠI MỎ ĐÁ BAZAN
ĐẮK ADIOR, XÃ NĂM N'JANG, HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNG SẢN BÌNH AN
ĐẮK NÔNG



GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Sỹ

Đắk Nông, Tháng 07 năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH.....	iv
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	2
3.2. Thuyết minh quy trình công nghệ	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	4
4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của cơ sở	5
4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu dầu DO	5
4.2. Nhu cầu sử dụng thuốc nổ	5
4.3. Nhu cầu sử dụng điện năng của cơ sở.....	6
4.4. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	7
5.1. Vị trí cơ sở.....	7
5.2. Các đối tượng xung quanh và hiện trạng hạ tầng khu vực cơ sở.....	9
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	11
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13

1.2. Thu gom, thoát nước thải	14
1.3. Xử lý nước thải	14
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	15
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	17
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	17
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	19
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	19
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	21
8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường	21
8.1. Kế hoạch, tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.....	21
8.2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường.....	22
8.3. Tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.....	23
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	24
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	24
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	24
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	24
1.3. Dòng nước thải.....	24
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải..	24
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	25
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	26
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	26
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	26
3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	26
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	28
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	28
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	29
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	31

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	31
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	31
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	31
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	32
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	32
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	33
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	34
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	35
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	37

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATLĐ	:	An toàn lao động
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
CHXHCN	:	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CTNH	:	Chất thải nguy hại
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	:	Thông tư
TCXDVN	:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Thống kê các thông số hệ thống khai thác.....	4
Bảng 2. Công suất đá thành phẩm.....	4
Bảng 3. Khối lượng vật liệu nổ sử dụng tại mỏ đá.....	6
Bảng 4: Tọa độ khép góc các khu vực khai thác của cơ sở.....	7
Bảng 5: Tọa độ khép góc các khu vực sân công nghiệp của cơ sở.....	8
Bảng 6: Khối lượng CTNH hiện được lưu chứa trong kho.....	18
Bảng 7: Tổng hợp các công tác cải tạo, phục hồi môi trường.....	21
Bảng 8. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước mưa trong moong.....	25
Bảng 9. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	26
Bảng 10. Giá trị giới hạn đối với độ rung.....	27
Bảng 11: Kết quả quan trắc nước sau hồ thu nước trong moong.....	28
Bảng 12: Vị trí quan trắc môi trường không khí.....	29
Bảng 13: Kết quả quan trắc môi trường không khí.....	29
Bảng 14: Kết quả quan trắc độ rung (dB).....	30
Bảng 15: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	33

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1: Sơ đồ công nghệ khai thác và chế biến đá.....	3
Hình 2: Hình ảnh vị trí cơ sở qua Google Map.....	9
Hình 3: Sơ đồ bề tự hoại 3 ngăn.....	14

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông
- Địa chỉ văn phòng: Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 0967077055
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: **Ông Đoàn Văn Sỹ**
- Chức vụ: Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6400448816; do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 25/10/2022.
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông đã nhận chuyển quyền khai thác khoáng sản từ Công ty CP Đường bộ Đắk Lắk để tiếp tục Khai thác và chế biến khoáng sản tại Mỏ đá bazan Đắk Adior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và đã được UBND tỉnh Đắk Nông cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 12/6/2023.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá Bazan Đắk Adior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.
- Địa điểm cơ sở: khoảnh 4, tiểu khu 1616, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
 - + Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án công trình Khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá Bazan Đắk Adior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, công suất 42.000 m³ đá nguyên khai/năm.
 - + Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 12/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.
 - + Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000152, chứng nhận lần đầu ngày 15/10/2013 do UBND tỉnh Đắk Nông cấp cho Công ty TNHH MTV Quản lý và sửa chữa đường bộ Đắk Lắk;

+ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Đắk N'Tao cho Công ty Cổ phần đường bộ Đắk Lắk thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác đá xây dựng với diện tích 58.574,2m².

+ Hợp đồng thuê đất số 52/HĐTD ngày 30/7/2015 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Cổ phần đường bộ Đắk Lắk.

- Quy mô của tổng vốn đầu tư: **7.343.219.613 đồng**. Theo quy định tại Khoản 4, Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thì dự án thuộc Nhóm II.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Diện tích khu vực khai thác: 5,85 ha theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 12/6/2013.

- Mức sâu khai thác: 8,07m

- Diện tích moong khai thác: 5,85 ha, trong đó khu vực I có diện tích 3,1ha, khu vực II có diện tích 2,75ha.

- Công suất: 42.000 m³ đá nguyên khai/năm.

- Trữ lượng còn lại được phép khai thác là 302.725 m³ (đá nguyên khối)

Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Công nghệ khai thác đá: Cơ sở sử dụng công nghệ khai thác đá bằng phương pháp khai thác lộ thiên.

- Công nghệ chế biến đá: Chế biến đá bằng hệ thống đập nghiền sàng di động do Nga sản xuất, với năng suất của máy là 90 tấn/h.

- Mặt bằng sân công nghiệp diện tích: 8.553 m² (diện tích này đang đề xuất cơ quan có thẩm quyền đưa ra ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp để phát triển kinh tế xã hội giai đoạn từ nay đến năm 2025).

3.2. Thuyết minh quy trình công nghệ

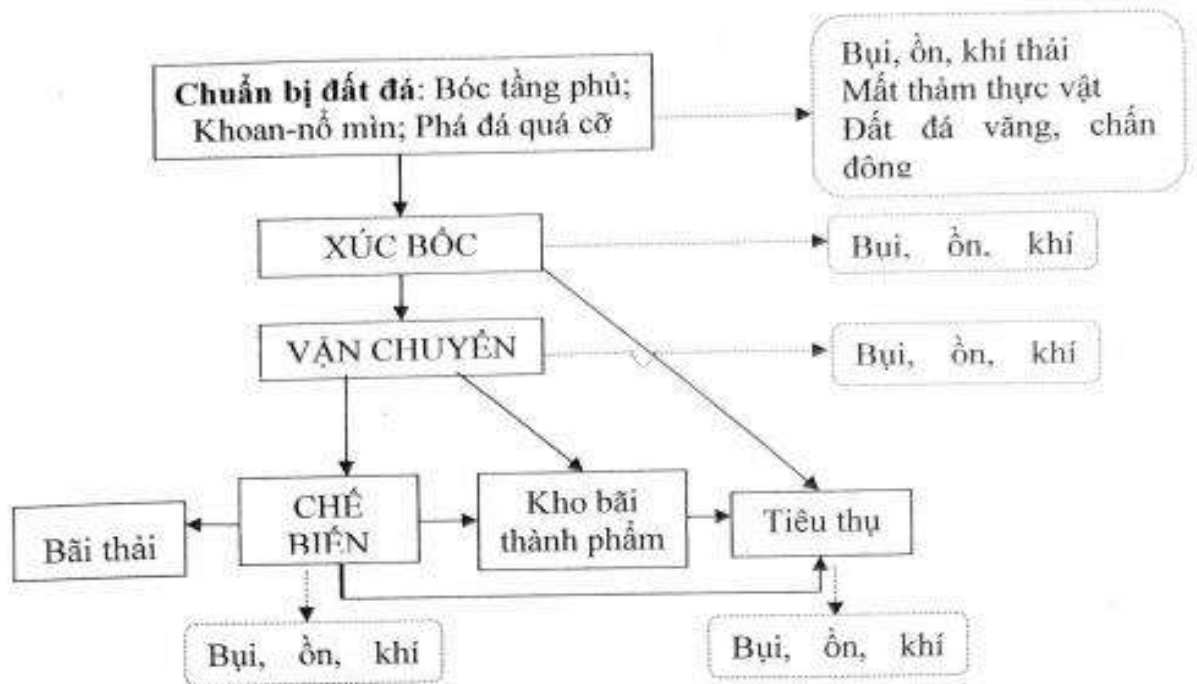
Trước hết tiến hành công tác bóc lớp đất phủ, dọn mặt tầng khai thác và tiến hành công tác khoan lỗ mìn, nạp thuốc và nổ mìn làm toi đá mỏ.

Đá nguyên liệu được chở bằng ô tô từ mỏ về trạm nghiền tại sân công nghiệp, rót vào máng cấp liệu, qua bộ sàng rung phân loại sơ bộ tách ra sản phẩm hỗn hợp 0x4mm, phần qua sàng chuyển xuống bộ hàm nghiền sơ cấp (nghiền thô).

Sản phẩm sau khi nghiền thô (đập) có kích thước đến 100-150mm được băng tải đưa sang sàng cấp 1 tách thu đá có kích thước 40-60mm (hoặc 50-70mm).

Phần còn lại được băng tải chuyển xuống nghiền tại bộ nghiền côn thứ cấp (nghiền tinh), đá qua nghiền côn được chuyển sang sàng rung cấp 2 phân ra các sản phẩm có kích thước 0-40mm, 10-25mm; 0-10mm.

Phần đá trên lưới sàng cấp 2 được hồi về miệng nghiền côn thứ cấp tiếp tục thực hiện theo chu trình kín như trên.



Hình 1: Sơ đồ công nghệ khai thác và chế biến đá

Khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, gồm các khâu công nghệ: mở vỉa, bóc tầng đất phủ, phá vỡ đất đá bằng khoan nổ mìn lỗ khoan đường kính lớn, bóc xúc máy xúc thủy lực $E = 1,1m^3$, vận chuyển bằng ô tô.

Khai thác mở rộng và sâu dần theo thời gian khai thác, đáy moong kết thúc khai thác +900m với chiều cao tầng khai thác không quá 10m, vì chiều dày chân đá bazan tương đối mỏng, trung bình 8,07m nên mỏ chỉ khai thác 1 tầng.

Các thông số của hệ thống khai thác được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1: Thống kê các thông số hệ thống khai thác

TT	Tên thông số	Ký hiệu	Đơn vị đo	Số lượng	
				Khu vực 1	Khu vực 2
1	Chiều cao tầng khai thác	H	m	8.07	8,07
2	Chiều rộng mặt tầng công tác	B	m	31,4	31,4
3	Góc nghiêng sườn tầng	α	độ	75°	75°
4	Góc nghiêng bờ dừng kết thúc	γ	độ	60°	60°
5	Góc nghiêng bờ công tác	ϕ	độ	49°	35°
6	Chiều dài tuyến công tác	L	m	100	100
7	Chiều rộng đồng đá nổ mìn	R _đ	m	13,8	19
8	Chiều rộng dải khẩu	A	m	7,4	6,8
9	Chiều dài tuyến bốc xúc	L _{bx}	m	41	44
10	Chiều dài tuyến dự trữ đá	L _{dt}	m	41	44
11	Chiều dài tuyến khoan	L _k	m	41	44

3.3. Sản phẩm của cơ sở

a.1. Sản phẩm của cơ sở

Công suất khai thác đá nguyên khai là 42.000 m³/năm.

Sản phẩm sau chế biến là đá thành phẩm các loại được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2. Công suất đá thành phẩm

STT	Loại sản phẩm	Tỉ lệ (%)	Sản phẩm (m ³)
1	Đá 1x2	20	5.712
2	Đá 2x4	40	15.960
3	Đá 4x6	40	13.440
4	Đá mi	-	2.486
	Tổng	100	37.598

a.2. Thời gian khai thác

Tuổi thọ mỏ được tính trên cơ sở thời gian khai thác, thời gian xây dựng cơ bản của mỏ và thời gian đóng cửa mỏ phục hồi môi trường.

Thời gian khai thác:

$$T_{kt} = Q_{kt} : A + T_c$$

Trong đó: + A: là công suất khai thác 42.000m³ đá nguyên khai/năm;

+ Q_{kt}: là trữ lượng khai thác của mỏ (trong đó đã tính đến hệ số tổn thất trong khai thác 80%);

+ T_c: là thời gian đóng cửa mỏ. T_c là 6 tháng.

$$\text{Vậy, } T_{kt} = Q_{kt} : A + T_c = (404.395 \text{ m}^3 : 42.000 \text{ m}^3) + 0,5 \text{ năm} \approx 10 \text{ năm}$$

+ T_c: là thời gian xây dựng cơ bản và đóng cửa mỏ. Mỏ này là mở rộng từ mỏ cũ nên tất cả các cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã có sẵn không cần thời gian xây dựng cơ bản. Thời gian đóng cửa mỏ, khôi phục môi trường là 0,5 năm.

$$\mathbf{T = 9,5 + 0,5 = 10 \text{ năm}}$$

Thời gian khai thác mỏ bắt đầu từ ngày 28/11/2013 và kết thúc ngày 28/11/2023. Tuy nhiên qua đo đạc, tính toán và đánh giá thì trữ lượng còn lại của mỏ chưa khai thác là 302.725 m³ (nguyên khối) do đó Công ty Cổ phần khoáng sản Bình An Đắk Nông sẽ lập hồ sơ xin gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, thời gian dự kiến xin gia hạn là 9 năm.

4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu dầu DO

Nhiên liệu dầu DO được sử dụng để cung cấp cho hoạt động của các máy móc thiết bị khai thác và vận chuyển đá như: ô tô, máy xúc... Nhiên liệu sử dụng được hợp đồng với cây xăng gần nhất trong khu vực cung cấp lượng nhiên liệu dự trữ cho khoảng 01 tuần làm việc, giao hàng tại mỏ. Theo tình hình sử dụng nhiên liệu thực tế của mỏ trong năm 2022 và các năm trước, lượng nhiên liệu dầu sử dụng khoảng 5.000 lít/năm.

4.2. Nhu cầu sử dụng thuốc nổ

Thuốc nổ và các vật liệu phục vụ cho công tác nổ mìn, phá đá của cơ sở. Việc cung cấp vật liệu nổ do các đơn vị cung ứng chuyên dụng có chức năng đảm nhận thông qua hợp đồng kinh tế với Công ty.

Khối lượng sử dụng theo tình hình thực tế của năm 2022 và các năm trước được thể hiện như bảng sau:

Bảng 3. Khối lượng vật liệu nổ sử dụng tại mỏ đá

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	
			KV1	KV2
1	Thuốc nổ	kg/năm	100 kg/lần x 10 lần = 1 tấn	100 kg/lần x 10 lần = 1 tấn
2	Kíp điện	cái/năm	10 cái x 10 lần = 100	5 cái x 10 lần = 50
3	Dây nối mạng	m/năm	20m x 10 lần = 200	20 m x 10 lần = 200
4	Dây nổ	m/năm	50m x 10 lần = 500	20 x 10 lần = 200

4.3. Nhu cầu sử dụng điện năng của cơ sở

Sử dụng điện lưới để phục vụ các công việc sau:

- Điện chiếu sáng, khu nhà điều hành, sân công nghiệp, các bãi đỗ xe máy.
- Thiết bị văn phòng và sinh hoạt, bảo vệ.
- Các trạm cân, camera giám sát.
- Hệ thống nghiền sàng, máy khoan, máy bơm...

Nguồn cung cấp: Điện dùng cho hoạt động chế biến được cấp từ mạng lưới điện quốc gia tại khu vực. Nhu cầu sử dụng của mỏ khoáng 34.023 kW/tháng.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt

Nhu cầu sử dụng nước chủ yếu là cung cấp cho sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại mỏ. Tổng số lao động trong dự án dự kiến 20 người. Nhu cầu sử dụng nước cho 1 người là 80lít/người.ngày (theo QCXDVN 01:2021/BXD). Tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt là 1,6m³/ngày.

Nguồn cung cấp:

- Nước uống: mua từ nước đóng bình bán trên thị trường loại bình 20 lít.
- Nước sinh hoạt: nước giếng khoan đã có sẵn tại khu vực sân công nghiệp.

Nước phục vụ nhu cầu sản xuất

Nước phục vụ cho sản xuất chủ yếu là nước tưới đường, và nước tưới chống bụi cho trạm nghiền.

Lượng nước tưới đường Q_d, với định mức 3xe/ngày = 9 m³/ngày.

Lượng nước sử dụng cho công tác làm ướt đá tại bunke cấp liệu ước tính trung bình khoảng 10 lít/m³ đá. Công suất khai thác thiết kế là 42.000 m³/năm, tương ứng công

suất khai thác trung bình 1 ngày là 125 m³/ngày (số ngày làm việc trong năm là 336 ngày). Lượng nước cần dùng là 2m³/ngày.

Lượng nước dùng cho sản xuất: $9 + 2 = 11\text{m}^3/\text{ng.đ.}$

Nguồn cung cấp: nước tại ao chứa nước trong sân công nghiệp và nước giếng khoan.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí cơ sở

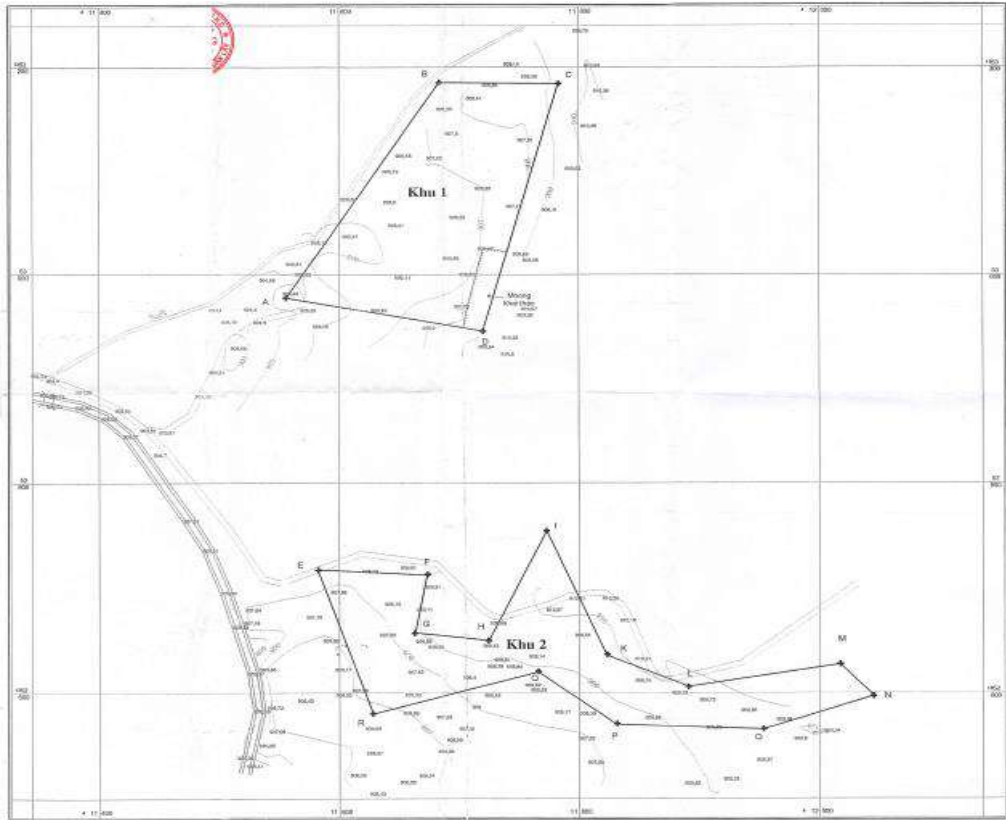
Vị trí dự án và các hạng mục công trình khai thác đá thuộc khoảnh 4, tiểu khu 1617, xã Năm N'jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, nằm xa khu dân cư. Cách đường tỉnh lộ TL06 khoảng 80-200m về phía Đông và cách Quốc lộ QL14 khoảng 7km (theo đường chim bay) về phía Đông và cách thị trấn Đắk Song khoảng 8km về phía Đông (theo đường chim bay).

Ranh giới các khu vực được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30, múi chiều 3° như bảng sau:

Bảng 4: Tọa độ khép góc các khu vực khai thác của cơ sở

Khu vực	Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Diện tích (ha)
		X(m)	Y(m)	
Khu 1	A	1.352.977	411.556	5,85
	B	1.353.185	411.683	
	C	1.353.184	411.783	
	D	1.352.945	411.720	
Khu 2	E	1.352.717	411.582	
	F	1.352.712	411.673	
	G	1.352.657	411.663	
	H	1.352.650	411.725	
	I	1.352.754	411.773	
	K	1.352.636	411.823	
	L	1.352.606	411.891	
	M	1.352.927	412.017	
	N	1.352.957	412.045	
	O	1.352.565	411.953	
	P	1.352.570	411.831	
	Q	1.352.620	411.766	
R	1.352.580	411.628		

(Nguồn: Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 28/6/2023)



Bảng 5: Tọa độ khép góc các khu vực sân công nghiệp của cơ sở

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Diện tích (m ²)
	X(m)	Y(m)	
1	1.353.116,08	411.640,92	8.553,60
A	1.352.977,00	411.556,00	
2	1.352.966,03	411.612,20	
3	1.352.966,22	411.606,24	
4	1.352.965,98	411.604,24	
5	1.352.964,14	411.602,85	
6	1.352.963,44	411.601,66	
7	1.352.961,56	411.600,14	
8	1.352.841,12	411.597,41	
9	1.352.960,62	411.596,49	
10	1.352.956,47	411.594,78	
11	1.352.956,43	411.587,80	
12	1.352.956,10	411.586,67	
13	1.352.953,45	411.583,87	
14	1.352.951,61	411.582,24	
15	1.352.951,91	411.571,74	
16	1.352.954,16	411.570,53	
17	1.352.954,41	411.554,62	

18	1.352.952,14	411.551,68
19	1.352.952,26	411.541,18
20	1.352.944,98	411.540,06
21	1.352.944,90	411.525,70
22	1.352.941,76	411.521,20
23	1.352.937,79	411.520,20
24	1.352.937,48	411.512,14
25	1.352.867,21	411.457,70
26	1.352.973,10	411.432,55
27	1.352.884,41	411.428,07
28	1.352.904,49	411.427,80
29	1.352.914,93	411.450,15
30	1.352.950,10	411.493,53



Hình 2: Hình ảnh vị trí cơ sở qua Google Map

5.2. Các đối tượng xung quanh và hiện trạng hạ tầng khu vực cơ sở

* *Giao thông*

Điều kiện giao thông khá thuận lợi. Đường từ thị trấn Đức An huyện Đắk Song vào đến khu vực thăm dò là đường nhựa (QL14) khoảng 10km về phía Nam đến ngã ba TL06 đi Quảng Sơn, từ TL6 về phía Đông đến khu vực mỏ là đường nhựa khoảng 9km, xe ô tô đi lại thuận lợi. Trong khu mỏ chủ yếu là đường nội mỏ, đá dăm, đất đỏ.

Địa hình và hệ thống sông suối sông suối.

Trong khu vực mỏ có địa hình khá bằng phẳng, dạng thung lũng (gần thung lũng suối Đắk Ađior, độ cao tuyệt đối từ +905,4m đến +910m.

Trong khu vực mỏ không có sông suối, ao hồ lớn, mạng lưới suối nhánh phía Tây chỉ có nước vào mùa mưa và đổ ra suối Đắk A đior, có độ chênh cao khoảng 1m.

*** Các đối tượng kinh tế - xã hội**

Xung quanh mỏ chủ yếu là rừng sản xuất của Công ty TNHH MTV Đắk N'Tao. Hai bên đường dọc theo TL6 không có người dân sinh sống, cách Quốc lộ 14 khoảng 10km tại khu vực ngã ba có những hộ dân buôn bán nhỏ.

Hình ảnh mong khai thác và khu chế biến mỏ



CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Về quy định pháp luật về bảo vệ môi trường: theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 cơ sở không nằm trong danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại Điều 28, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vị trí cơ sở không ảnh hưởng đến các công trình thủy lợi, hành lang bảo vệ nguồn nước, diện tích đất trồng lúa, đất rừng... cũng như các quy định khác có liên quan.

Xây dựng công trình Khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá Bazan Đắk Ađior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nằm trong quy hoạch khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 và Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Cơ sở nằm trong mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn của Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030 và định hướng đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020. Cơ sở cung cấp nguồn vật liệu xây dựng tại chỗ cho địa phương góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đắk Song, Đắk Mil và thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Loại hình hoạt động của cơ sở không phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất.

Nguồn nước ở khu vực mỏ không bị ô nhiễm vì thực ra quá trình khai thác không xả thải nước ra môi trường mà chỉ có lượng nước mưa chảy vào khai trường còn lưu đọng lại tại các khu vực hồ, vùng trũng, còn lại là nước tự chảy tràn xuống theo độ dốc địa hình tự nhiên nên chất lượng nước đảm bảo không gây tác động ô nhiễm ra khu vực mỏ và các khu vực lân cận.

Các loại chất thải khác phát sinh từ hoạt động của cơ sở ít, nguồn phát sinh chất thải chủ yếu là bụi vào không khí do phương tiện khai thác và chế biến đá, phương tiện

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Cơ sở: Khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá Bazan Đắk Ađior, xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

chuyên chở nguyên liệu; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại... Tuy nhiên tải lượng và thành phần ô nhiễm không lớn, tác động được đánh giá ở mức trung bình.

Các loại phát thải đều được thu gom, xử lý theo quy định trước khi thải ra môi trường. Do đó, cơ sở không gây ảnh hưởng lớn tới môi trường nền và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

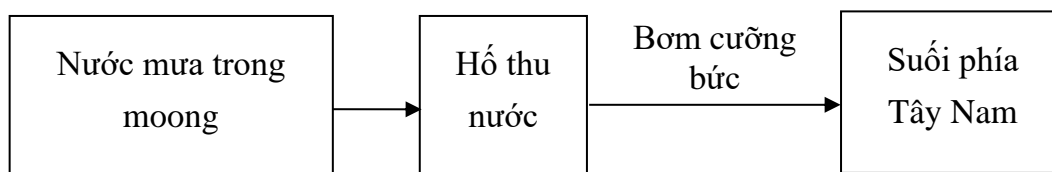
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Đối với nước mưa tại khu vực khai trường

- Các tầng khai thác cao độ từ +908m đến +900m, đáy moong được tạo độ dốc dọc trung bình khoảng 1% để thoát nước tự chảy xuống sườn núi chảy qua mương vào hồ thu nước, sau khi lắng sẽ được bơm cưỡng bức ra suối ở phía Tây Nam của mỏ.



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại moong khai thác

Hồ thu nước có kết cấu hố đào nền đá, kích thước (DxRxS) = 20m x 10m x 2m.

Máy bơm và ống thoát nước fi 90, dài 100m dẫn từ hồ thu nước vào suối ở phía Tây Bắc mỏ.

Điểm thoát nước mưa từ hồ thu nước trong moong ra ngoài có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30, múi chiều 3°: X = 1357169 ; Y = 407027.

Đối với nước mưa tại khu vực sân công nghiệp

Nước mưa chảy tràn tại khu vực sân công nghiệp được thoát bằng hình thức tự chảy.

Nước mưa được thu gom từ mái của các công trình như nhà văn phòng, nhà kho dẫn theo đường ống PVC 110mm xuống sân xi măng và thoát ra mương thoát nước dọc theo sân công nghiệp. Mương thoát nước chảy theo độ dốc địa hình về hồ nước ở phía sau sân công nghiệp để trữ nước cho tưới đường chống bụi và cấp hệ thống đập bụi của trạm nghiền sàng đá. Mương thoát nước có tiết diện hình thang, kích thước (đáy trên, đáy dưới, chiều sâu): 0,7x0,4x0,5m.

Quy trình thu gom và thoát nước mưa tại khu vực sân công nghiệp:

Nước mưa chảy tràn -> Mương thoát nước -> hồ lắng (2x2x1m) sau sân công nghiệp sau đó thoát ra suối phía Tây Nam có tọa độ X = 1356729; Y = 406581.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng nhà vệ sinh có hầm tự hoại được xây dựng tại khu nhà văn phòng mỏ.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải được dẫn từ hố ga thu nước theo ống PVC Ø114 vào ngăn 1. Nước thải từ ngăn 1 qua đường ống PVC Ø90 đến ngăn 2 sau đó đến ngăn 3. Nước thải sau khi xử lý bằng hầm tự hoại ba ngăn được thấm vào đất.

Nước thải sản xuất

Trong quá trình sản xuất cơ sở có sử dụng nước để phun tưới giảm bụi đường giao thông nội bộ và quá trình nghiền sàng đá, tuy nhiên lượng nước này chỉ đủ thấm vào đường giao thông và đá nên không có nước thải sản xuất ra môi trường.

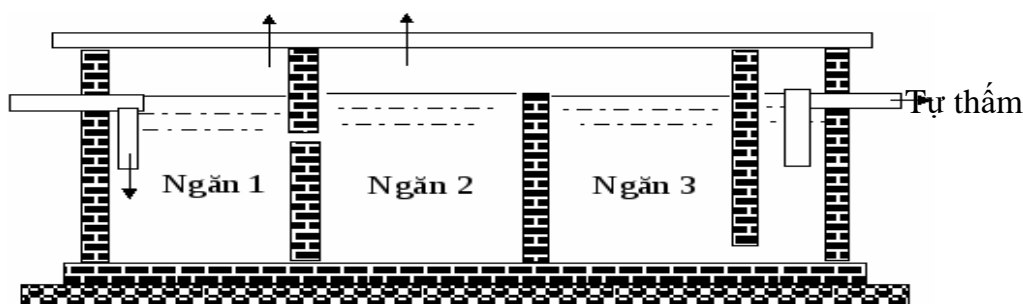
1.3. Xử lý nước thải

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở là hầm tự hoại 03 ngăn tại khu vực nhà văn phòng.

- Kết cấu: dung tích hầm là 5m³ (kích thước: dài 1,4m x rộng 2,4m x sâu 1,5m), hầm được xây bằng gạch trát vữa xi măng để chống thấm.

- Vị trí hầm tự hoại theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3°: X = 1352973,1; Y = 411432,55.

- Quy trình xử lý nước thải 03 ngăn: Nước thải sinh hoạt → Hầm tự hoại 3 ngăn → Tự thấm.



Hình 3: Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn theo đường ống PVC Φ114 từ hố ga thu nước vào ngăn xử lý, tại đây cặn sẽ được giữ lại trong ngăn xử lý trong vòng 20 -30 ngày, dưới tác dụng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ một phần tạo thành các chất khí thoát ra qua lỗ thông khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan; nước

sau khi xử lý sẽ theo đường ống PVC Φ90 vào hố tự thấm và tại đây nước thải sau xử lý sẽ thấm rút xuống đất.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi tại tổ hợp nghiền sàng và khu vực chứa đá thành phẩm

- Phun nước làm ướt đá nguyên liệu trước khi đưa vào chế biến.
- Công ty đã bố trí hệ thống phun sương giảm bụi trong khu vực nghiền – sàng:
 - + Tại hàm đập và phễu rót đá của hệ thống nghiền sàng, bố trí 01 hệ thống phun nước làm ướt đá nguyên liệu.
 - + Vòi phun nước làm ẩm đá sản phẩm tại các bãi đá.
 - + Hệ thống cấp nước:
 - . Nguồn cấp nước: nước giếng khoan
 - . Bồn chứa nước: 10m³.
 - . Bơm: 02 Hp (số lượng 1 bơm).
 - . Đường ống cấp nước: ống nhựa PVC cứng đường kính 34mm.
- Duy trì cây xanh xung quanh sân công nghiệp để chắn gió và ngăn bụi phát tán qua môi trường xung quanh.
- Khu vực chứa đá thành phẩm được tưới nước thường xuyên, nhất là vào những ngày nắng.

Đối với hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị tốt và có đầy đủ hồ sơ đăng kiểm.
- Phân bổ kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế tối đa việc tập trung nhiều thiết bị hoạt động cùng lúc trên công trường.
- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm các yêu cầu về chất lượng.
- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

Đối với hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải

Có giải pháp quản lý và điều hành phương tiện vận chuyển hợp lý, khoa học, nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi và khí thải phát sinh:

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển đất, đá đi tiêu thụ; cam kết không chở quá thành xe, không chở quá tải trọng thiết kế.
- Sử dụng phương tiện vận chuyển tốt, bảo đảm các yêu cầu về đăng kiểm.
- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và bảo đảm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt, ít gây ảnh hưởng đến môi trường.
- Công nhân lái xe được học tập đầy đủ các luật về an toàn giao thông và các quy định lưu thông xe, các quy phạm an toàn trong vận tải mỏ.
- Lưu thông với tốc độ chậm để hạn chế bụi cát bị cuốn lên từ mặt đất.
- Thường xuyên duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển ra vào khu mỏ để giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển.
- Thường xuyên phun, tưới nước trên các tuyến đường giao thông nội bộ. Tần suất phun nước trung bình 2 lần/ngày hoặc 4 lần/ngày vào những ngày nắng nóng kéo dài: 02 lần vào buổi sáng, 02 lần vào buổi chiều.
- Cương quyết ngưng vận chuyển, xử lý nghiêm đối với những xe, lái xe không thực hiện đúng và đảm bảo yêu cầu về môi trường hoặc khi có sự khiếu kiện của người dân về môi trường do phương tiện vận chuyển gây ra.
- Các xe vận chuyển đất, đá đi tiêu thụ phải đảm bảo về vệ sinh, tránh tình trạng đất, bùn bám vào bánh xe rơi vãi trên các tuyến đường nhất là vào những ngày mưa. Ngừng hoạt động đối với những xe không đảm bảo được vấn đề vệ sinh, để tránh tình trạng gây ô nhiễm môi trường trên các tuyến đường xe vận chuyển đi qua và ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

Đối với hoạt động khai thác

- Trang bị các thiết bị bảo hộ chống bụi cá nhân như khẩu trang, găng tay... cho công nhân.
- Đối với hoạt động bóc đất tầng phủ:
 - + Không tập trung cùng lúc các phương tiện thi công và vận tải tại khu vực bóc xóc đất tầng phủ.
 - + Các phương tiện phải phủ bạt kín thùng xe trước khi vận tải đất phủ về bãi thải.

+ Công tác đổ đất tại bãi thải phải đúng vị trí nhằm hạn chế gây mất mỹ quan và bụi cuốn lên khi có gió.

+ Vào các ngày thời tiết khô nóng, Chủ cơ sở phun nước tưới ẩm tại khu vực bãi thải và tuyến đường vận chuyển nội mỏ để hạn chế bụi phát tán.

- Đối với hoạt động khai thác đá (khoan lỗ mìn, nổ mìn và phá đá quá cỡ):

+ Khi sử dụng các loại máy khoan, nếu bộ thu và xử lý phoi bị hư hỏng thì máy khoan phải ngừng hoạt động. Không khoan khô, thổi phoi trực tiếp ra ngoài trời.

+ Sử dụng các loại máy khoan có sử dụng hỗn hợp nước – khí nén.

+ Không hoạt động sản xuất khác khi nổ mìn phá đá.

+ Tuân thủ quy trình kỹ thuật an toàn khi nổ mìn.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là rác thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên được thu gom vào các sọt rác 50L, phân loại và xử lý như sau:

+ Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng: như giấy vụn phòng, vỏ lon nước, giấy,... sẽ được tập trung trong các giỏ nhựa tại khu vực văn phòng và bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt không còn khả năng tái sử dụng: thu gom vào sọt rác 50L đặt trong khuôn viên văn phòng. Định kỳ 2 ngày/lần, công nhân tại mỏ sẽ thu gom rác tại các thùng chứa và đổ vào hố chôn (kích thước 2mx2mx1m), được đào cách khu vực văn phòng 300m.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đất bóc tầng phủ được chứa tại bãi thải 1ha ở phía Bắc moong khai thác. Tuy nhiên giai đoạn này do đất phủ được sử dụng để san gạt mặt bằng cũng như cải tạo đường vận chuyển hàng năm nên hiện tại Công ty vẫn chưa sử dụng bãi thải.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của cơ sở gồm: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt thải, thùng dầu nhớt, thùng sơn.

Khối lượng chất thải nguy hại hiện được lưu chứa trong kho:

Bảng 6: Khối lượng CTNH hiện được lưu chứa trong kho

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	5	Lưu giữ	Đang lưu giữ tại Kho CTNH của cơ sở	
Dầu nhớt thải	17 02 04	7	Lưu giữ, tái sử dụng để bôi trơn		
Giẻ lau	18 02 01	6	Lưu giữ		
Tổng số lượng		18			

Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

+ Tất cả lượng chất thải nguy hại phát sinh được bảo đảm lưu giữ an toàn theo đúng quy định; Chủ cơ sở trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín; bên ngoài các thùng chứa có dán nhãn ghi rõ loại chất thải theo đúng quy định.

+ Chất thải sẽ được lưu trữ ở khu vực riêng biệt. Chủ cơ sở xây dựng 01 khu vực lưu chứa chất thải tại khu vực sân công nghiệp.

+ Lượng CTNH phát sinh trên phương tiện thi công được thu gom, lưu trữ và xử lý theo đúng quy định. Chủ cơ sở kí hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý lượng CTNH này theo đúng quy định.

+ Kiểm tra, giám sát các phương tiện, công nhân vận hành trong công tác thu gom, lưu trữ; nghiêm cấm không vứt, đổ CTNH ra bên ngoài.

Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Cơ sở đã bố trí một kho chứa chất thải nguy hại diện tích 8m² trong khu vực sân công nghiệp. Kho lưu giữ CTNH đã trang bị biển cảnh báo phía trước cửa kho. Đã trang bị các vật liệu hấp thụ, ứng phó sự cố theo quy định.

Kho chứa chất thải nguy hại kết cấu tường xây gạch trát vữa xi măng, nền bê tông, mái tôn, kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và được xây gờ cao để ngăn không cho chất thải nguy hại bên trong tràn ra ngoài (nếu có sự cố).

Bên trong kho đặt 03 thùng có nắp đậy dung tích khoảng 0,1m³/mỗi thùng để chứa giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải, thùng dầu nhớt, thùng sơn. Các thùng lưu chứa CTNH theo từng loại riêng biệt, dán nhãn và mã số CTNH lên thùng chứa, sắp xếp gọn gàng theo từng nhóm CTNH (chất thải rắn – lỏng dễ cháy, chất thải có tính

độc hại)... Định kỳ hằng năm, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để tránh ô nhiễm do tiếng ồn, chấn động Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Không sử dụng các máy móc thi công đã quá cũ bởi vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn;

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện khai thác, chế biến và phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt;

- Hệ thống nền móng của trạm nghiền sàng được xây dựng rộng, thường xuyên kiểm tra chân móng, để máy nhằm phát hiện nguyên nhân gây nên ồn rung để gia cố sửa chữa. Bộ phận kỹ thuật thường xuyên bảo dưỡng máy móc, tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn của tổ hợp đập – nghiền – sàng;

- Niêm yết thời gian nổ mìn và công bố thời gian nổ mìn cho cán bộ công nhân viên, chính quyền địa phương và người dân xung quanh cơ sở Việc nổ mìn chỉ được thực hiện trong thời gian quy định đã niêm yết;

- Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho công nhân, nghỉ ngơi và bố trí các ca làm việc hợp lý. Trang bị nút bịt tai cho công nhân trực tiếp vận hành các máy móc phát sinh tiếng ồn lớn và các công nhân làm việc trong khu vực có nhiều thiết bị gây ồn, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sức khỏe do ồn;

- Trồng cây xanh quanh khu chế biến nhằm giảm tiếng ồn, bụi lan xa đồng thời góp phần cải tạo vi khí hậu.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Sự cố xói mòn, trượt lở, sụt lún đất

Để tránh các sự cố xói mòn, sụt lở Công ty đã bố trí cán bộ thường xuyên theo dõi, giám sát bờ mỏ, bờ đê, các bờ đắp của tổ hợp nghiền sàng theo định kỳ hàng ngày, hàng tuần để phát hiện và ứng phó kịp thời nếu có sự cố xói mòn, sụt lở xảy ra và thực hiện đầy đủ các biện pháp cam kết khác như:

- Biện pháp phòng tránh sụt lún, sạt lở bờ moong khai thác;

- Biện pháp đề phòng sự cố mưa lớn, ngập lòng moong khai thác;

- An toàn lao động đối với con người trong quá trình khai thác và chế biến đá tại mỏ;
- Tăng cường vệ sinh công nghiệp trong quá trình vận hành cơ sở;
- Để phòng tránh sạt lở bờ moong khai thác, sự cố môi trường, trong hoạt động khai thác phải tuân thủ đúng phương án thiết kế khai thác đã được phê duyệt;
- Đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc theo đúng quy định tại quy phạm khai thác mỏ hiện hành: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong khai thác và chế biến đá lộ thiên; Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;
- Thường xuyên quan sát vách moong để phát hiện các vết nứt, khe nứt lớn để có biện pháp phòng tránh nguy cơ trượt lở thành moong.
- An toàn nổ mìn: Hợp đồng với đơn vị được cấp phép dịch vụ nổ mìn để tiến hành nổ mìn, do đó, cơ sở không xây dựng kho chứa vật liệu nổ;
- Bản hiệu cảnh báo an toàn đối với khu vực mong khai thác.

Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Công ty đã trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy bao gồm: hệ thống nước và bơm nước, bình cứu hỏa, hốt cát, keng báo động, biển cấm lửa;
- Lắp đặt biển báo nguy hiểm tại những khu vực sử dụng điện và chất dễ cháy, tổ chức tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty.

Biện pháp giảm thiểu sự cố tai nạn lao động

Để giảm thiểu và hạn chế tối đa các sự cố có thể xảy ra trong quá trình khai thác, chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm các quy định của Luật lao động và các Tiêu chuẩn Việt Nam quy định về trang bị các phương tiện bảo hộ lao động của Ngành lao động thương binh và xã hội như: TCVN 2291 - 78 quy định trang bị phương tiện bảo vệ người lao động - Phân loại, TCVN 3579 - 81 quy định về trang bị kính bảo hộ lao động, TCVN 5586 - 1991 quy định về trang bị găng tay cách điện, TCVN 5588 - 1991 quy định về trang bị ủng cách điện.

- Áp dụng QCVN 05:2012/BLĐTBXH – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá.
- Toàn bộ cán bộ công nhân viên trong mỏ phải được học an toàn và qua kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu mới bố trí công việc.

- Khi làm việc cán bộ công nhân viên phải mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, chấp hành nghiêm chỉnh những quy định an toàn nơi làm việc và của những bộ phận liên quan.

- Khi bố trí công nhân làm việc, cán bộ trực tiếp chỉ đạo sản xuất phải xem xét cụ thể hiện trường, nếu đảm bảo an toàn mới bố trí công việc.

- Khi cạy gỡ đá ở trên tầng hoặc từng tầng trên xuống tầng dưới, phải bố trí người canh gác, không cho người và phương tiện nằm trong vùng nguy hiểm.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại Cơ sở.

Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở không có thay đổi so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo phục hồi môi trường số 1377/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Tuy nhiên sau theo giấy phép khai thác khoáng sản số 22/GP-UBND ngày 28/11/2013 thì thời gian khai thác là 10 năm do đó Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông đề nghị gia hạn giấy phép khai thác với thời gian thêm khoảng 9 năm.

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

8.1. Kế hoạch, tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

Nội dung chính của phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt như sau:

Bảng 7: Tổng hợp các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện
1	Cải tạo khu vực khai thác			
1.1	Củng cố bờ mỏ trong đá gốc	m ³	38,54	Khi kết thúc khai thác
1.2	Trồng cỏ trong đất phủ	m ²	2.023	Khi kết thúc khai thác
1.3	Lắp đặt cống điều tiết nước	cái	9	Khi kết thúc khai thác
1.4	Đắp đất móng đường cống	m ³	7,5	Khi kết thúc khai thác
1.5	Lắp đặt biển báo phản quang tam giác cạnh 0,7m	Cái	19	Trong thời gian khai thác và kết thúc

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện
1.6	Cột đỡ biển báo	Cái	19	Trong thời gian khai thác và kết thúc
1.7	San gạt xung quanh bờ moong khai thác	m ³	1.927	Trong thời gian khai thác và kết thúc
2	Cải tạo khu vực bãi thải			
2.1	San gạt khu vực bãi thải	m ³	3.000	Khi kết thúc khai thác
2.2	Trồng cây khu vực bãi thải	cây	2.250	Khi kết thúc khai thác
3	Cải tạo sân công nghiệp			
3.1	Tháo dỡ hệ thống nghiền sàng	tấn	25	Khi kết thúc khai thác
3.2	Tháo dỡ kè móng chân các máy xay	m ³	51,48	Khi kết thúc khai thác
3.3	Tháo dỡ tường công trình xây dựng	m ³	60	Khi kết thúc khai thác
3.4	Tháo dỡ nền công trình xây dựng	m ³	350	Khi kết thúc khai thác
3.5	Tháo dỡ mái tôn công trình xây dựng	m ²	350	Khi kết thúc khai thác
3.6	Tháo dỡ bệ xí	Cái	2	Khi kết thúc khai thác
3.7	Tháo dỡ cửa	Cái	8	Khi kết thúc khai thác
3.8	San gạt mặt bằng sân công nghiệp	m ³	5.000	Khi kết thúc khai thác
3.9	Trồng cây	cây	2.000	Khi kết thúc khai thác
4	Cải tạo đường vận chuyển			
	Lu lèn đường	m ³	900	Khi kết thúc khai thác

8.2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **382.139.000 đồng** (Ba trăm tám mươi hai nghìn, một trăm ba mươi chín nghìn đồng);

Tổng số lần ký quỹ là 15 lần, bắt đầu từ năm 2013 và kết thúc vào năm 2027; trong đó:

- Số tiền ký quỹ lần đầu là 20% ứng với 76.427.800 đồng;
- Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo là 21.836.514 đồng.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2013.

8.3. Tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện

Trong quá trình khai thác, Công ty đã thực hiện các công trình như: lắp đặt biển báo, làm mương thoát nước phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác nhận hoàn thành (chưa có)

Số tiền đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường

Đến thời điểm tháng 6/2023, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông đã đóng thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đầy đủ theo Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông. Tổng số tiền đã ký quỹ là **382.139.000 đồng** (đính kèm Giấy xác nhận số 56/GXN-QBVMTPTD ngày 25/4/2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường và phát triển đất tỉnh Đắk Nông).

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nấu ăn, tắm rửa và vệ sinh của cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn phát sinh khi trời mưa chảy tràn trong moong khai thác. Tuy nhiên, nước mưa hầu như được coi là sạch nên có thể thoát ra môi trường sau khi lắng.

- Nguồn số 03: Nước mưa chảy tràn phát sinh khi trời mưa chảy tràn tại khu vực sân công nghiệp.

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất trong quá trình sản xuất, cơ sở đầu tư có sử dụng nước để phun giảm bụi đường giao thông nội bộ và quá trình nghiền sàng đá, tuy nhiên lượng nước này chỉ đủ thấm vào đường giao thông và đá nên không có dòng nước thải sản xuất ra môi trường.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Nước thải sinh hoạt: 1,6 m³/ngày.đêm.

- Nước mưa trong moong: lưu lượng tối đa 1.873m³/ngày.

1.3. Dòng nước thải

Tại cơ sở có 03 dòng nước thải:

- 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn được thấm vào đất.

- 01 dòng nước mưa chảy tràn trong moong khai thác được thu gom vào hồ thu nước và thoát ra suối ở phía Tây Nam khai trường.

- 01 dòng nước mưa chảy tràn tại khu vực sân công nghiệp được thu gom vào hồ lắng và thoát ra suối ở phía Tây Nam sân công nghiệp.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Nước thải sinh hoạt

Do nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở với lưu lượng không đáng kể, khu vực mỏ nằm xa khu dân cư, khu đô thị. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ tự thấm vào đất. Do đó, Công ty không đề nghị cấp phép đối với nước thải sinh hoạt.

Nước mưa trong moong và sân công nghiệp

Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, Chất rắn lơ lửng, Fe, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; Kq =0,9; Kf =1,0).

Bảng 8. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước mưa trong moong

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, C _{max} ; Kq =0,9; Kf =1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5-9	03 tháng/lần
2	Chất rắn lơ lửng		90	
3	Sắt (Fe)		4,5	
4	Tổng dầu mỡ khoáng		9,0	
5	Coliform		5.000	

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

Nước mưa trong moong

- Số cửa xả: 01
- Cấu tạo:
 - + Vật liệu: Ống nhựa PVC
 - + Kích thước ống: fi 90. dài 100m
- Chế độ xả: 8h/24h
- Phương thức xả nước mưa trong moong: theo chế độ bơm cưỡng bức.
- Tọa độ vị trí xả nước mưa trong moong: X = 1357169 ; Y = 407027 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30, múi chiếu 3°)

- Nguồn tiếp nhận nước mưa trong moong: nước mưa trong moong sau khi lắng tại hồ thu nước được thoát theo ống thoát nước (bơm cưỡng bức) ra suối phía Tây Nam khai trường.

Nước mưa khu vực sân công nghiệp

- Số cửa xả: 01
- Cửa thoát nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận: tiết diện 1m²
- Chế độ xả: 8h/24h
- Phương thức xả nước mưa trong sân công nghiệp: theo chế độ tự chảy.
- Tọa độ vị trí xả nước mưa khu vực sân công nghiệp từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30, múi chiều 3°: X = 1356729; Y = 406581.
- Nguồn tiếp nhận nước mưa tại khu vực sân công nghiệp: nước mưa sau khi lắng tại hồ lắng được thoát qua cửa xả ra suối phía Tây Nam sân công nghiệp.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Bụi, khí thải phát sinh tại mỏ chủ yếu là từ phương tiện giao thông, hoạt động khai thác và chế biến đá,... Đây là nguồn phát sinh không phải nguồn điểm nên không xác định được lưu lượng chính xác. Do đó, Công ty không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Khu vực khai trường khai thác: Nổ mìn và hoạt động của máy móc, thiết bị thi công khai thác như máy khoan, máy xúc, phá đá quá cỡ, ô tô.
- Khu vực sân công nghiệp: hoạt động của trạm nghiền sàng, phương tiện vận chuyên, xúc bốc.

3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

a. Đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Bảng 9. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

b. Đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

Bảng 10. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú
1	70	60	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc định kỳ nước sau hồ thu nước trong khu vực khai trường tại cơ sở trong 2 năm gần nhất (năm 2021 và năm 2022) được trình bày theo mẫu bảng sau:

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại cuối hồ thu nước ở khai trường.
- Ngày lấy mẫu: 20/4/2021; 15/6/2021; 18/10/2021; 14/12/2021; 21/3/2022; 14/6/2022.
- Kết quả quan trắc: được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 11: Kết quả quan trắc nước sau hồ thu nước trong moong

T T	Thông số	Đơn vị	Kết quả						QCVN 40:2011/ BTNM T (cột B)
			20/4/2 021	15/6/ 2021	18/10/ 2021	14/12/ 2021	21/3/ 2022	14/6/ 2022	
1	pH	-	7,1	7,3	7,3	7,0	6,7	7,3	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	34,6	36,2	35,2	36,5	19,2	18,9	100
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	23,9	24,3	22,4	23,1	13,9	14,3	50
4	COD	mg/l	48,3	49,0	47,1	46,7	25,7	26,3	150
5	Amoni (N- NH ₄ ⁺)	mg/l	1,18	1,25	1,16	1,14	0,73	0,71 1	10
6	Sắt (Fe)	mg/l	0,543	0,617	0,532	0,521	-	-	5
7	Tổng Phospho (P)	mg/l	2,04	2,09	2,11	2,15	0,26 1	0,23 7	6
8	Tổng Nitơ	mg/l	28,7	27,3	27,3	26,9	6,72	6,81	40
9	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	<1	<1	<1	<1	0,80 9	0,77 6	10
10	Coliforms	MPN/100 ml	3,4x 10 ³	3,9x 10 ³	3,5x 10 ³	3,9x 10 ³	2,6x 10 ³	2,4x 10 ³	5.000

Nhận xét: Kết quả phân tích mẫu nước tại vị trí cuối hồ thu nước trong moong đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B. Như vậy, nguồn nước ở khu vực mỏ không bị ô nhiễm vì thực ra quá trình khai thác không xả thải nước ra môi trường mà chỉ có lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực còn lưu đọng lại tại các khu vực các hồ, vùng trũng, còn lại là nước tự chảy tràn xuống theo độ dốc địa hình tự nhiên nên chất lượng nước đảm bảo không gây tác động ô nhiễm ra khu vực mỏ và các khu vực lân cận.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Kết quả quan trắc định kỳ môi trường không khí tại cơ sở trong 2 năm gần nhất được trình bày theo mẫu bảng sau:

Bảng 12: Vị trí quan trắc môi trường không khí

TT	Vị trí giám sát	Ký hiệu mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất
1	Khu vực bãi thải	KK1	Tiếng ồn, bụi, SO ₂ , CO, NO ₂	6 tháng/lần
2	Đường vận chuyển nội mỏ	KK2		
3	Khu vực khai trường	KK3		
4	Khu vực văn phòng	KK4	Độ rung	3 tháng/lần
5	Khu vực nhà ở công nhân	KK5		

Bảng 13: Kết quả quan trắc môi trường không khí

Ngày	Thông số môi trường của dự án					
	Ký hiệu mẫu	Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
20/4/2021	KK1	68,7	0,308	0,106	0,122	2,981
	KK2	73,9	0,362	0,119	0,131	3,833
	KK3	79,4	0,421	0,147	0,163	4,530
18/10/2021	KK1	69,3	0,312	0,113	0,139	2,763
	KK2	72,1	0,389	0,125	0,142	3,769
	KK3	77,6	0,437	0,153	0,178	4,340
21/3/2022	KK1	69,1	0,353	0,123	0,136	2,866
	KK2	75,3	0,408	0,156	0,172	3,972

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Cơ sở: Khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá Bazan Đắk Ađiơr, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Ngày	Thông số môi trường của dự án					
	Ký hiệu mẫu	Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
	KK3	82,6	0,496	0,171	0,198	4,797
QCVN 02:2019/BYT	-	4	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	-	5	5	20	-
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn mức tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Nhận xét: Kết quả đo đạc và phân tích các đợt cho thấy chỉ tiêu tiếng ồn và các chỉ tiêu chất lượng không khí như bụi, SO₂, NO₂, CO tại các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Như vậy, hoạt động khai thác tại mỏ không làm ảnh hưởng đến chất lượng không khí trong khu vực, các biện pháp giảm bụi, giảm tiếng ồn đã thực hiện tại mỏ đảm bảo môi trường không khí an toàn lao động cho CBCNV và khu vực xung quanh.

Bảng 14: Kết quả quan trắc độ rung (dB)

Ký hiệu mẫu	Kết quả quan trắc độ rung (dB)						QCVN 27:2010/BTNMT
	20/4/2021	15/6/2021	18/10/2021	14/12/2021	21/3/2022	14/6/2022	
KK4	61,2	60,8	62,9	63,3	63,4	62,3	70
KK5	58,1	57,7	59,7	58,1	59,2	56,6	

Ghi chú: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Nhận xét: Kết quả đo đạc và phân tích các đợt cho thấy chỉ tiêu độ rung tại các khu vực đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công trình hồ thu nước trong moong khai thác của dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm (Cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường) theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a). Giám sát môi trường không khí và tiếng ồn

- Vị trí quan trắc (2 vị trí):

+ 01 vị trí tại khu vực moong khai thác;

+ 01 vị trí tại khu vực sân công nghiệp;

- Thông số quan trắc: Bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂;

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần;

- Tần suất báo cáo: 1 năm/lần;

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03: 2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 02: 2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

b). Giám sát độ rung

Độ rung khi nổ mìn được giám sát nhằm xác định gia tốc rung của công trình xây dựng gần mỏ nhất, với lượng thuốc nổ trung bình của quá trình theo hộ chiếu nổ mìn.

- Thông số giám sát: Nơi có công trình kiên cố gần mỏ nhất: Khu vực văn phòng, nhà ở.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, vào lúc nổ mìn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

c). Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí quan trắc (1 vị trí): sau hố thu nước trong moong khai thác trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Thông số quan trắc: pH, Chất rắn lơ lửng, Fe, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần;

- Tần suất báo cáo: 01 lần/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B.

d). Giám sát chất thải rắn:

- Nội dung giám sát: Theo dõi khối lượng thải bỏ, đặc tính của chất thải bỏ và thu gom chất thải tại khu vực cơ sở.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

e). Các chương trình giám sát khác

Ngoài công tác giám sát môi trường nêu trên, Công ty thường xuyên thực hiện các giám sát về công tác bảo vệ môi trường khác tại mỏ:

+ Giám sát các công tác không chế rung động và các sự cố trong quá trình nổ mìn đã thực hiện: thường xuyên kiểm tra các thiết bị giám sát tiếng ồn và rung, giám sát thường xuyên vách moong khai thác để kịp thời phát hiện các vết nứt, đá lẩn.

+ Giám sát các công tác về phòng cháy sự cố môi trường tại mỏ: kiểm tra các dụng cụ PCCC, các biển báo khu vực nổ mìn quanh mỏ để kịp thời bổ sung,..

+ Giám sát, theo dõi các sự cố môi trường có thể xảy ra (sạt lở moong khai thác, bồi lấp rãnh thoát nước do chất rắn lơ lửng,...) để có những biện pháp xử lý thích hợp và nhanh chóng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải trong giai hoạt động.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Cơ sở không có hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Chủ cơ sở không có ý kiến đề xuất thêm.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự kiến, kinh phí cho việc thực hiện quan trắc môi trường hàng năm được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 15: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (đồng/năm)
1	Quan trắc môi trường không khí, ồn, rung hàng năm	2 vị trí 06 tháng/lần	15.000.000
2	Quan trắc môi trường nước thải hàng năm	1 vị trí 03 tháng/lần	8.000.000
3	Quan trắc chất thải rắn	1 vị trí 03 tháng/lần	5.000.000
4	Các chương trình giám sát khác	Thường xuyên	10.000.000
	Tổng		38.000.000

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2022, có 01 đoàn kiểm tra của Thanh tra tỉnh, theo kết luận số 79/KL-TTr ngày 24/9/2022 của Thanh tra tỉnh về việc quản lý và chấp pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản tại các mỏ đá xây dựng trên địa bàn huyện Đắk R'lấp và huyện Đắk Song thì Công ty CP Đường bộ Đắk Lắk lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (theo luật Bảo vệ môi trường là lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường). Hiện nay đơn vị nhận chuyển nhượng mỏ đá là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là thực hiện khắc phục kết quả kiểm tra về bảo vệ môi trường của cơ sở.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan

Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan, thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khoáng sản, môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác.

- Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác, cụ thể:

+ Chất lượng không khí tại khu vực cơ sở nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc.

+ Chất lượng nước thải phát sinh do hoạt động khai thác của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

+ Tiếng ồn phát ra từ các máy móc, thiết bị trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ Quy trình quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 75, Điều 81, Điều 82 Luật BVMT; Điều 56, Khoản 1 Điều 58, Điều 66 Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP; Điều 26, Điều 33 Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT.

- Thực hiện định kỳ chế độ quan trắc môi trường nhằm mục đích xác định được các thông số ô nhiễm trên cơ sở đó lập các kế hoạch xử lý kịp thời.

- Cam kết thực hiện duy tu bảo dưỡng đường vận chuyển bị hư hỏng do hoạt động của cơ sở trong quá trình khai thác. Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương và các doanh nghiệp khác trên địa bàn đóng góp kinh phí duy tu đường giao thông của địa phương.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với GPMT đã được duyệt, Chủ cơ sở sẽ có văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản có chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6400448816; do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 25/10/2022.

+ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án công trình Khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá Bazan Đắk Ađior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, công suất 42.000 m³ đá nguyên khai/năm.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 12/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000152, chứng nhận lần đầu ngày 15/10/2013 do UBND tỉnh Đắk Nông cấp cho Công ty TNHH MTV Quản lý và sửa chữa đường bộ Đắk Lắk;

+ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Đắk N'Tao cho Công ty Cổ phần đường bộ Đắk Lắk thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác đá xây dựng với diện tích 58.574,2m².

+ Hợp đồng thuê đất số 52/HĐTĐ ngày 30/7/2015 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Cổ phần đường bộ Đắk Lắk.

+ Các văn bản pháp ký khác liên quan;

+ Kết quả quan trắc môi trường năm 2021, 2022.

+ Bản vẽ Tổng mặt bằng mỏ;

+ Bản đồ bố trí các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG
Số: *17* /GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Nông, ngày *12* tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020; Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông “về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020” và Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản và quy hoạch một số điểm mỏ cung cấp nguyên vật liệu đá xây dựng phục vụ công trình phát triển hạ tầng giao thông sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá bazan Đắk Ađior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;



Căn cứ Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/03/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá bazan Đắk Ađior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày 10/5/2023 giữa Công ty Cổ phần đường bộ Đắk Lắk và Công ty Cổ phần khoáng sản Bình An Đắk Nông nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-STNMT ngày 07 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông được nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản từ Công ty Cổ phần đường bộ Đắk Lắk để tiếp tục khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá bazan Đắk A đior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Diện tích khu vực khai thác là: 5,85 ha, trong đó: 02 khu vực (khu I và khu II), tọa độ các điểm khép góc theo hệ tọa độ VN-2.000 kinh tuyến trực 108,5⁰ múi chiều 3⁰ được xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 (Bản đồ khai thác khoáng sản) Giấy phép này.

- Công suất khai thác: 42.000 m³ đá nguyên khai/năm.

- Mức sâu khai thác: 8,07m.

- Trữ lượng khoáng sản còn lại được phép khai thác: 302.725 m³ (đá nguyên khối).

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời gian khai thác: Đến hết ngày 28/11/2023.

Điều 2. Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiến hành hoạt động khai thác đá xây dựng theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Nông kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi

khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục thuê đất hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường của dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá bazan Đăk Ađiôr, xã Năm N'Jang, tỉnh Đăk Nông đã được UBND tỉnh Đăk Nông phê duyệt; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định. Chỉ được tiến hành khai thác khoáng sản khi đã cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ đá Đăk Ađiôr, xã Năm N'Jang, tỉnh Đăk Nông; trong quá trình khai thác, nếu phát hiện khoáng sản mới phải báo cáo ngay cho UBND tỉnh Đăk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông và có trách nhiệm quản lý, bảo vệ khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng hoặc khoáng sản chưa thu hồi được; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản và môi trường, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn và cảnh quan môi trường phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác trên toàn bộ diện tích được cấp phép; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3.

- Chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản số 22/GP-UBND ngày 28/11/2013 của UBND tỉnh Đăk Nông cấp cho Công ty TNHH MTV Quản lý và sửa chữa đường bộ Đăk Lăk (cũ) nay là Công ty Cổ phần đường bộ Đăk Lăk được khai thác đá bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá bazan Đăk Ađiôr, xã Năm N'Jang, tỉnh Đăk Nông.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về việc thẩm tra hồ sơ và nội dung tham mưu tại Giấy phép này.



Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương thiết kế mỏ được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐC và KS Việt Nam (bản sao);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (bản chính);
- Cục Thuế tỉnh (bản sao);
- Sở Xây dựng (bản sao);
- Sở Công Thương (bản sao);
- UBND huyện Đắk Song (bản sao);
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình An Đắk Nông (bản chính);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(Ha).

05

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ê Văn Chiến

PHỤ LỤC 1
RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC
 (Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số *17* /GP-UBND
 ngày *12* tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Khu vực khai thác	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2.000 kinh tuyến trực 108,5 ⁰ múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Khu I	A	1352977	411556
	B	1353185	411683
	C	1353184	411783
	D	1352945	411720
Khu II	E	1352717	411582
	F	1352712	411673
	G	1352657	411663
	H	1352650	411725
	I	1352754	411773
	K	1352636	411823
	L	1352606	411891
	M	1352627	412017
	N	1352597	412045
	O	1352565	411953
	P	1352570	411831
	Q	1352620	411766
R	1352580	411628	

2/



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 63121000152

Chứng nhận lần đầu, ngày 15 tháng 10 năm 2013

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 248/TTr-SKH-HTĐT ngày 01 tháng 10 năm 2013,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Chứng nhận: **CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ ĐẮK LẮK.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000235066, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký lần đầu ngày 16/6/2010.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 36, đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện bởi: Phạm Ngọc Thành (Nam).

Chức vụ: Giám đốc.

Sinh ngày: 13/10/1958; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

Giấy chứng minh nhân dân số: 240475069; Ngày cấp: 23/6/2006; Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 128 đường Lê Thánh Tông, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột.

Chỗ ở hiện tại: Số 128 đường Lê Thánh Tông, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: Khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá Bazan Đắk AĐior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu của dự án: Cung cấp đá nguyên liệu làm vật liệu xây dựng thông thường, phục vụ nhu cầu sử dụng đá cho các tuyến đường giao thông địa bàn huyện Đắk Song và các vùng lân cận.

- Quy mô của dự án:

+ Tổng diện tích toàn mỏ là: 5,85ha.

+ Độ sâu trữ lượng trung bình: 8,07m với trữ lượng toàn mỏ là 460.774m³.

Trong đó: Trữ lượng cấp 121 là: 360.078m³ và trữ lượng cấp 122 là: 100.696 m³.

+ Công suất dự án: 42.000m³/năm.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Năm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Điều 4. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 7.343.219.613 đồng (Bảy tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm mười chín nghìn, sáu trăm mười ba đồng).

Trong đó: vốn góp là 4.343.219.613 đồng, vốn vay là 3.000.000.000 đồng.

Điều 5. Thời gian hoạt động của dự án: 14 năm 6 tháng.

Điều 6. Tiến độ xây dựng cơ bản của dự án: Từ tháng 9 năm 2013 đến hết năm 2014.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:

- Được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (quy định tại Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ);

- Được miễn, giảm thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế (quy định tại Điều 26, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ).

Điều 8. Để được hưởng các ưu đãi nêu trên, Công ty TNHH MTV Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đăk Lăk phải thực hiện đúng và đầy đủ các điều kiện như đã đăng ký và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

* Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin dự án, về nguồn vốn đầu tư, tiến độ giải ngân nguồn vốn để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc, 01 bản cấp cho nhà đầu tư và 01 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư. / *luu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bôn
Nguyễn Bôn

Số: 1377/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 05 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá bazan Đắk Adior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông công suất 42.000 m³ đá nguyên khai/năm của Công ty TNHH MTV quản lý và sửa chữa đường bộ Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/04/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29/05/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận dự án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 1280/TNMT-BVMT ngày 23 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá bazan Đắk Adior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, công suất 42.000 m³ đá nguyên khai/năm của Công ty TNHH MTV quản lý và sửa chữa đường bộ Đắk Lắk (sau đây gọi là Chủ dự án) với vị trí, công suất của Dự án như sau:

- Vị trí của Dự án: Xã Năm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.
- Tổng diện tích sử dụng đất: 7,03 ha (diện tích khai trường 5,85 ha; sân công nghiệp và các công trình phụ trợ: 1,18 ha).

- Công suất: 42.000 m³ đá nguyên khai/năm.

Điều 2. Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá bazan Đăk Adior, xã Năm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông công suất 42.000 m³ đá nguyên khai/năm của Công ty TNHH MTV quản lý và sửa chữa đường bộ Đăk Lăk, với các nội dung như sau:

a) Phương án cải tạo phục hồi môi trường: Theo nội dung của Đề án

b) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 382.139.000 đồng

(Ba trăm tám mươi hai triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng)

- Tổng số lần ký quỹ: 15 lần, bắt đầu từ năm 2013 và kết thúc vào năm 2027.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là 20% (hai mươi phần trăm) tương ứng với: 76.427.800 đồng (Bảy mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn, tám trăm đồng). Chủ dự án phải thực hiện ký quỹ trước khi bắt đầu tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản 30 (ba mươi) ngày.

+ Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo, mỗi năm là:

$(382.139.000 - 76.427.800) : 14 = 21.836.514$ đồng

(Hai mươi một triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm mười bốn đồng)

Chủ dự án phải thực hiện ký quỹ các năm tiếp theo trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

- Đơn vị nhận ký quỹ năm 2013 là Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam - Tầng 6, tòa nhà LOD, số 38 Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Số tài khoản: 1305 20100 4488 - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Trảng An, thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Đề án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Phải thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định; thiết kế các công trình xử lý môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước khi khởi công xây dựng.

2. Chỉ được đưa công trình vào sử dụng sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt thời gian triển khai thực hiện dự án; thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại theo quy định hiện hành; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh; phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Tuân thủ những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý sử dụng đất và các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường; khai thác, chế biến khoáng sản; xây dựng; vật liệu nổ công nghiệp; TCVN 4449-1987 về phân loại xí nghiệp, kho theo cấp độc hại và khoảng cách ly vệ sinh và Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số về vệ sinh lao động....

5. Trồng cây xanh xung quanh sân công nghiệp và nhà máy chế biến đá đảm bảo tỷ lệ tối thiểu là 15%. Xung quanh sân công nghiệp phải bố trí dải cách ly, chiều rộng của dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào ≥ 20 mét tính từ chân hàng rào nhà máy trở ra.

6. Các công trình xử lý và bảo vệ môi trường phải có thiết kế chi tiết và xây dựng các công trình này theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng và chỉ được đưa vào sử dụng sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

7. Phối hợp với các mỏ đá lân cận (nếu có) xây dựng quy chế nổ mìn và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hiện tượng cộng hưởng trong nổ mìn khai thác đá đối với khu vực dân cư xung quanh.

8. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định.

9. Lập phương án phòng chống sự cố môi trường như: Sụt lún, trượt lở đất, an ninh, trật tự xã hội... và thực hiện khi có sự cố xảy ra.

10. Khu vực bãi thải: Tuân thủ các quy định về thiết kế, sử dụng, vận hành bãi thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Đồng thời xây dựng quy chế vận hành bãi thải, phổ biến đến người lao động trong Công ty để thực hiện.

11. Chủ đầu tư có trách nhiệm hỗ trợ địa phương cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng vùng dự án và khu vực lân cận, đảm bảo an sinh xã hội.

12. Xây dựng quy chế phối hợp với chính quyền địa phương bảo đảm an ninh, trật tự xã hội trong quá trình khai thác và phục hồi môi trường của dự án.

13. Thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định hiện hành.

14. Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giám sát các yếu tố có ảnh hưởng đến môi trường; có biện pháp khắc phục kịp thời, phòng chống và ứng phó tốt

với các sự cố môi trường. Định kỳ 3 tháng một lần Chủ dự án phải nộp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Đắk Song để theo dõi, quản lý.

Số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, kiểm tra.

Điều 4. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 3 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

4. Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này và theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chấp hành chế độ thông tin, báo cáo việc thực hiện nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này, Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận dự án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản và Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song có trách nhiệm lập quy hoạch bố trí khu dân cư phải cách xa ranh giới mỏ đá bazan Đắk Adior, xã Năm N'Jang trong bán kính tối thiểu 500 mét tính từ chân hàng rào trở ra để đảm bảo an toàn cho người dân xung quanh khu vực dự án. Phối hợp với Chủ dự án lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và chi trả tiền cho người dân bị ảnh hưởng bởi dự án (nếu có) trước khi tiến hành khai thác, chế biến khoáng sản.

Trong trường hợp xảy ra sự cố về môi trường thì phối hợp với Chủ dự án khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản tại mỏ đá bazan Đắk Adior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, công suất 42.000 m³ đá nguyên khai/năm của Công ty TNHH MTV quản lý và sửa chữa đường bộ Đắk Lắk và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4

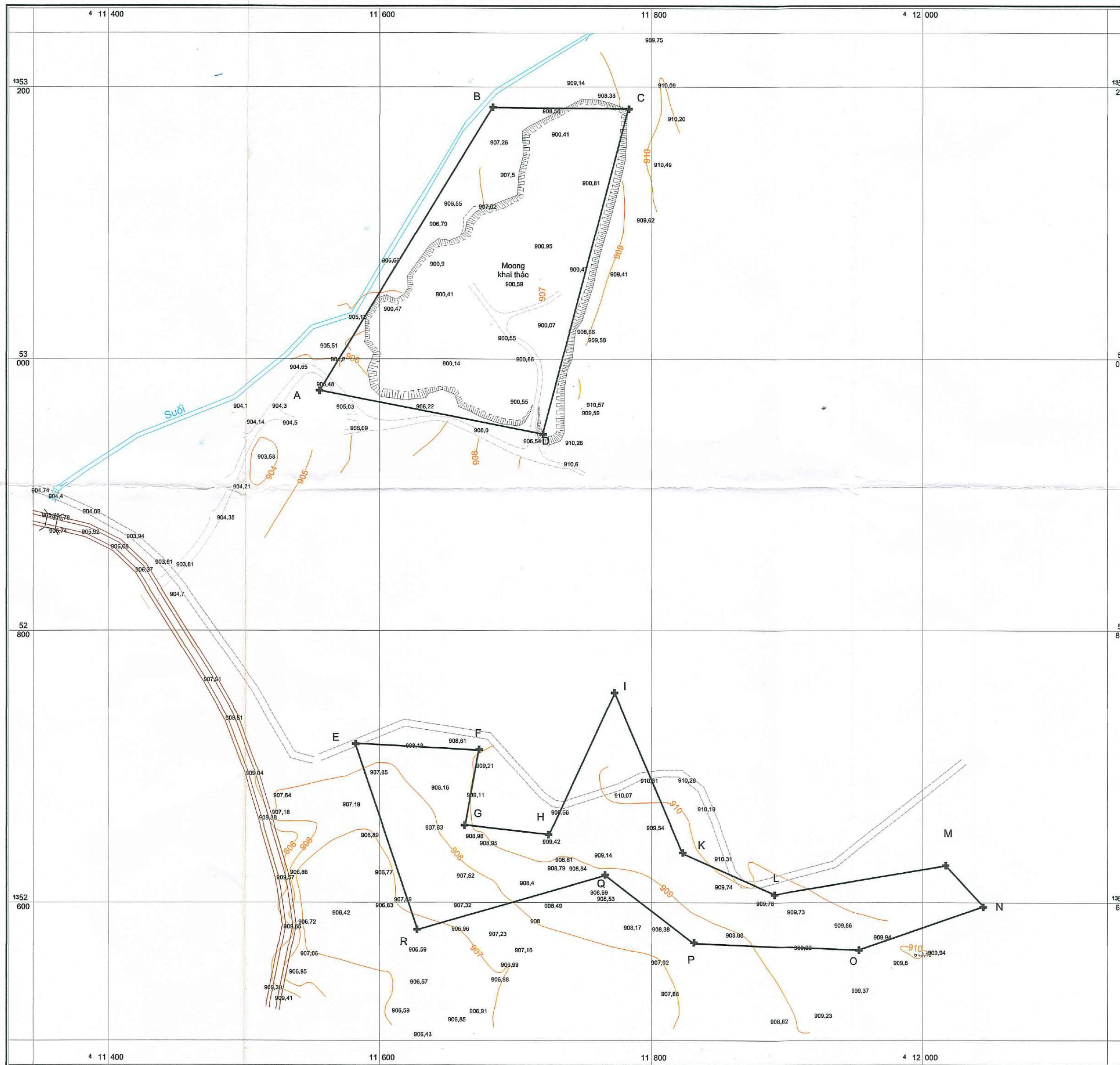


BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Mỏ đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường Đắk A Dior, xã Nam N'jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông
 (Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: .../GP - UBND, ngày ... tháng ... năm ... của UBND tỉnh Đắk Nông)

Tọa độ các điểm khép góc

Khu	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108,5 độ, múi chiếu 3 độ	
		X	Y
Khu 1	A	13 52 977	411 556
	B	13 53 185	411 683
	C	13 53 184	411 783
	D	13 52 945	411 720
Khu 2	E	13 52 717	411 582
	F	13 52 712	411 673
	G	13 52 657	411 663
	H	13 52 650	411 725
	I	13 52 754	411 773
	K	13 52 636	411 823
	L	13 52 606	411 891
	M	13 52 627	412 017
	N	13 52 597	412 045
	O	13 52 565	411 953
	P	13 52 570	411 831
	Q	13 52 620	411 766
	R	13 52 580	411 628

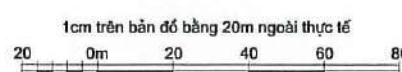


CHỈ DẪN

- Ranh giới khu vực khai thác
- Đường bình độ vĩ độ cao (m)
- Độ cao điểm chiết (m)
- Moong khai thác
- Suối
- Đường nhựa
- Đường đá cấp phối

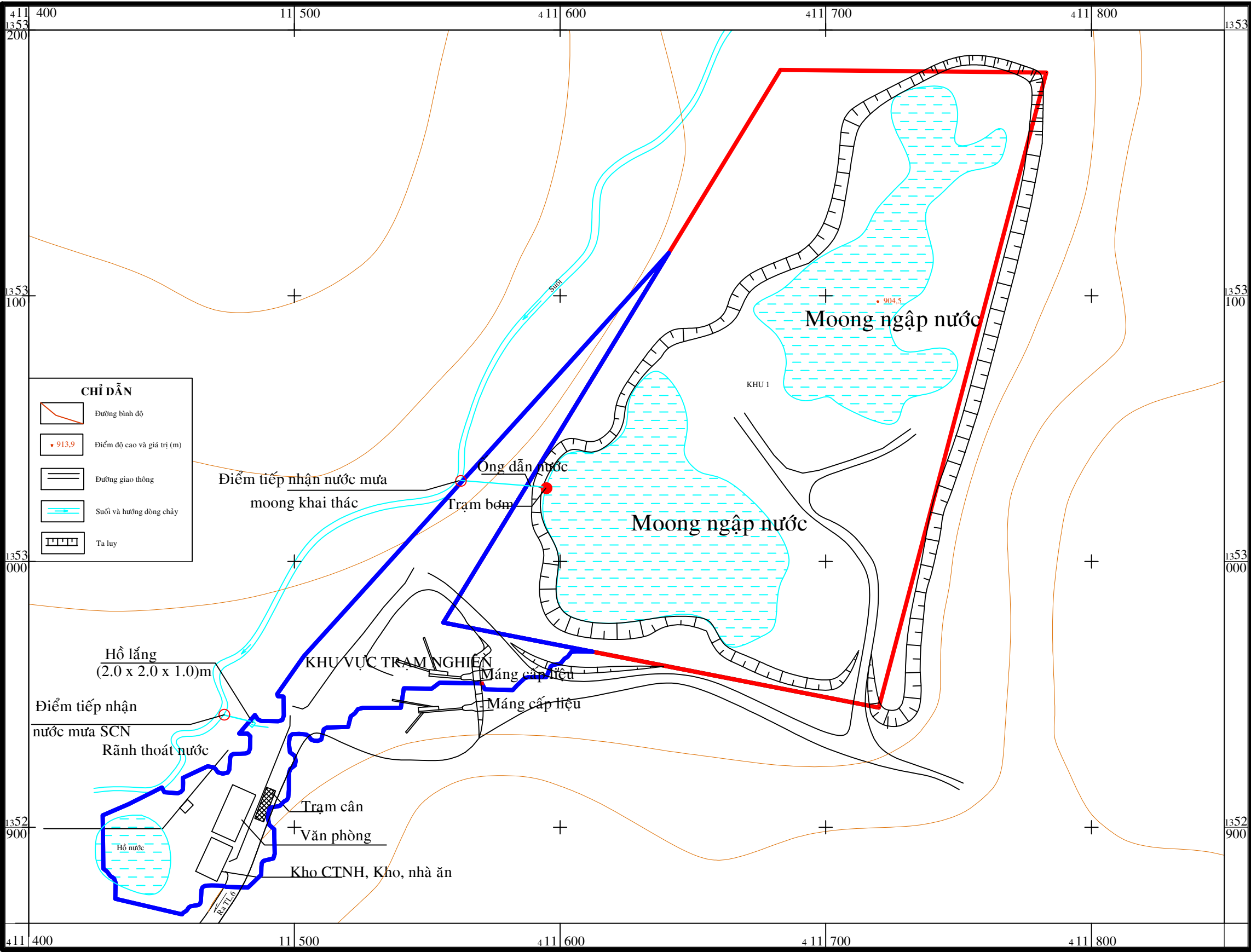
"- Được trích từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000, kinh tuyến trục 108,5 độ múi chiếu 3 độ, Số hiệu D-48-96-C"

TỶ LỆ 1:2.000



BẢN ĐỒ BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN TẠI MỎ ĐÁ BAZAN ĐẮK ADIOR, XÃ NÂM N'JANG, HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG



TỶ LỆ 1:1.000

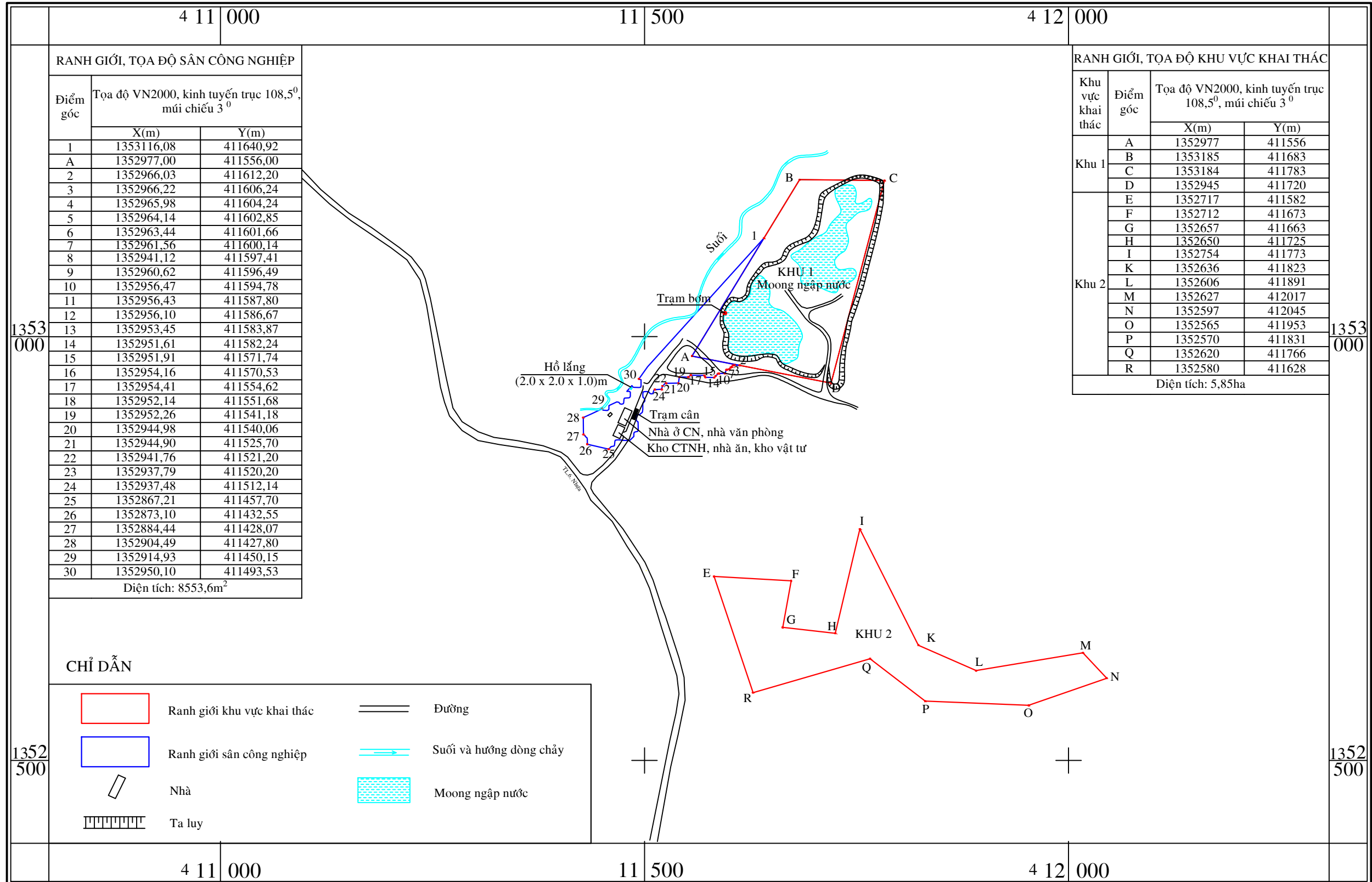
1cm trên bản đồ bằng 10 ngoài thực tế



BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG

CÔNG TRÌNH: KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

TẠI MỎ ĐÁ BAZAN ĐẮK ADIOR, XÃ NĂM N'JANG, HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG



TỶ LỆ 1:5.000

1cm trên bản đồ bằng 50 ngoài thực tế
50 0m 50 100 150 200